

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG MN THƯỢNG THANH

Biểu mẫu 01

(Kèm theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2022- 2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi. Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân mức 1,5%, thể thấp còi mức 2,0%, thừa cân béo phì mức 2.0% - Khám sức khỏe định kỳ: 2 lần /năm	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi. Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân dưới mức 1,5%, thể thấp còi mức dưới 2,0%, thừa cân béo phì mức dưới 2.0% - Khám sức khỏe định kỳ: 2 lần /năm
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Thực hiện chương trình Giáo dục mầm non kèm theo TT số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 và được sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo TT số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 và Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020.	- Thực hiện chương trình Giáo dục mầm non kèm theo TT số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 và được sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo TT số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 và Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	* Phần đầu trẻ đạt được theo các lĩnh vực: - Phát triển thể chất: 95% - Phát triển nhận thức: 95% - Phát triển ngôn ngữ: 95% - Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: 95%	* Phần đầu trẻ đạt được theo các lĩnh vực: - Phát triển thể chất: 100% - Phát triển nhận thức: 100% - Phát triển ngôn ngữ: 100% - Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội: 100% - Phát triển thẩm mỹ: 100%

IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Cơ sở vật chất đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ theo Điều lệ trường mầm non; đồ dùng, đồ chơi và thiết bị dạy học đảm bảo theo TT số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015. - Đội ngũ CB, GV, NV đạt chuẩn và trên chuẩn, bồi dưỡng thường xuyên liên tục. - Sự phối kết hợp chặt chẽ giữa CMHS và Nhà trường. - Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong mọi hoạt động của Nhà trường./.	- Cơ sở vật chất đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ theo Điều lệ trường mầm non; đồ dùng, đồ chơi và thiết bị dạy học đảm bảo theo TT số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015. - Đội ngũ CB, GV, NV đạt chuẩn và trên chuẩn, bồi dưỡng thường xuyên liên tục - Sự phối kết hợp chặt chẽ giữa CMHS và Nhà trường. - Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong mọi hoạt động của Nhà trường./.
----	---	---	--

Thượng Thanh, ngày 05 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hoà

**UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG MN THƯỢNG THANH**

Biểu mẫu 02

(Kèm theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022- 2023

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	312	0	0	41	72	93	106
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	312 = 100%	0	0	41	72	93	106
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	312 = 100%	0	0	41	72	93	106
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	312 = 100%	0	0	41	72	93	106
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	312 = 100%	0	0	41	72	93	106
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	312 = 100%	0	0	41	72	93	106
1	Số trẻ cân nặng bình thường	302 = 96.8	0	0	39	69	91	103
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	6 = 1.9	0	0	2	2	1	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	307 = 98.4	0	0	39	71	92	105
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	5 = 1.6	0	0	2	1	1	1
5	Số trẻ thừa cân béo phì	4 = 1.3	0	0		1	1	2
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	312 = 100%	0	0	41	72	93	106
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	41	0	0	41	0	0	0
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	271	0	0	0	72	93	106

Thượng Thanh, ngày 05 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hoà



UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG MN THƯỢNG THANH

Biểu mẫu 03

(Kèm theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022- 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	11	2.75 m ² /trẻ
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	11	2.75 m ² /trẻ
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	3.840.1 m ²	12 m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2.650 m ²	8.5 m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	78 m ²	2.75 m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	78 m ²	2.75 m ² /trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	22m ²	0.77 m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	22 m ²	0.77 m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	78m ²	0.25m ² /trẻ
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	120m ²	0.4m ² /trẻ
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	178m ²	0.6 m ² /trẻ
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	1390 bộ	126 bộ/lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	16 bộ	16 bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	50	
	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		



XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	44m ² /2 phòng	308m ² /11 phòng	0	0.6m ² /trẻ	0
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Thượng Thanh, ngày 05 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hoà

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG MN THƯỢNG THANH

Biểu mẫu 04

(Kèm theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022- 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	CĐ
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	39	0	1	12	23	0	3	0	28	0	5	23	0	0
I	Giáo viên	25	0	0	9	16	0	0	0	25	0	4	21	0	0
1	Nhà trẻ	6	0	0	2	4	0	0	0	6	0	1	5	0	0
2	Mẫu giáo	19	0	0	7	12	0	0	0	19	0	3	16	0	0
II	Cán bộ quản lý	3	0	1	2	0	0	0	0	3	0	1	2	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0	2	0	0
III	Nhân viên	11	0	0	1	7	0	3	0	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên khác	9	0	0	0	6	0	3	0	0	0	0	0	0	0

Thượng Thanh, ngày 05 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

